

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán	4-5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6-27
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính.	10-27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu và Kỹ thuật Bao bì theo Quyết định số 1551/2004/QĐ-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103007262 ngày 04 tháng 04 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 31 Hàng Thùng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị gồm:

Ông :	Phạm Nhật Thăng	Chủ tịch
Ông :	Hoàng Công Khanh	Phó chủ tịch
Ông :	Lê Hồng Văn	Ủy viên
Ông :	Hoàng Thanh Tùng	Ủy viên
Ông :	Đào Anh Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Phạm Nhật Thăng	Tổng Giám đốc
Ông :	Hoàng Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Lê Hồng Văn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Hoãn	Trưởng ban
Ông :	Nguyễn Đăng Tiến	Thành viên
Bà :	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (đổi tên từ Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Nhật Thăng

Số : 874 /2013/BC.KTTC-AASC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam được lập ngày 28 tháng 05 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên:

- Tại thời điểm 31/12/2012, lô hàng 750,032 tấn thép tấm 4-12 ly trị giá 6.600.281.600 đồng gửi tại kho của Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Dịch vụ số 2 thuộc Công ty Kim Khí Hà Nội. Sau khi bù trừ với công nợ phải trả của Xí nghiệp này, giá trị còn lại là 3.353.635.057 đồng, đang được phản ánh và theo dõi trên khoản mục Hàng tồn kho và trích lập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho tương ứng là 1.341.454.023 đồng. Do Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí và Dịch vụ số 2 bỏ trốn và cơ quan cảnh sát đang điều tra truy nã. Toàn bộ hàng hóa tại kho đang được Công an thành phố Hà Nội quản lý để làm tang vật điều tra vụ án nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về lô hàng cũng như số trích lập dự phòng nêu trên.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Xí nghiệp Bao bì Hùng Vương và Xí nghiệp In và Bao bì VPC được xác định bằng 80% giá bán của sản phẩm hoàn thành tương đương, không căn cứ vào chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tỷ lệ hoàn thành.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
(Đổi tên từ Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán)



Kiểm toán viên

Nguyễn Quang Huy
Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		121.306.285.367	157.667.993.454
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.026.793.430	32.222.719.849
111	1. Tiền		8.826.793.430	10.332.648.187
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.200.000.000	21.890.071.662
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	76.500.000	48.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		233.850.000	233.850.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(157.350.000)	(185.850.000)
130	III. Các khoản phải thu		68.651.949.224	71.243.077.252
131	1. Phải thu của khách hàng		71.659.919.566	70.353.391.729
132	2. Trả trước cho người bán		701.779.989	706.237.016
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2.652.610.177	5.284.550.236
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(6.362.360.508)	(5.101.101.729)
140	IV. Hàng tồn kho	6	20.325.284.754	45.172.581.668
141	1. Hàng tồn kho		21.666.738.777	46.514.035.691
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.341.454.023)	(1.341.454.023)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.225.757.959	8.981.614.685
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		526.228.035	446.429.732
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.187.449.617	4.954.697.948
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	286.369.406	170.552.450
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.225.710.901	3.409.934.555
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.947.494.037	37.872.660.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		31.534.086.485	35.458.814.868
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	31.514.030.714	35.411.810.694
222	- Nguyên giá		84.509.844.769	81.154.305.369
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(52.995.814.055)	(45.742.494.675)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	6.419.407	11.546.810
228	- Nguyên giá		65.389.796	65.389.796
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(58.970.389)	(53.842.986)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	13.636.364	35.457.364
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.487.700.000	1.487.700.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	1.487.700.000	1.487.700.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		925.707.552	926.145.860
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	925.707.552	926.145.860
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		155.253.779.404	195.540.654.182

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. Nợ phải trả		107.011.422.240	143.897.264.623
310	I. Nợ ngắn hạn		107.011.422.240	141.114.670.927
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	57.335.002.800	87.465.321.356
312	2. Phải trả cho người bán		31.279.095.168	37.921.274.985
313	3. Người mua trả tiền trước		198.646.643	2.614.231.264
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.527.353.450	2.882.058.002
315	5. Phải trả người lao động		7.683.532.908	5.958.505.433
316	6. Chi phí phải trả	16	1.891.220.079	1.610.590.326
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	3.159.547.745	1.420.666.114
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.937.023.447	1.242.023.447
330	II. Nợ dài hạn		-	2.782.593.696
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	2.662.500.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	120.093.696
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu		48.242.357.164	51.643.389.559
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	18	48.242.357.164	51.643.389.559
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.828.000.000	1.428.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		21.972.942	375.741.542
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.713.307.213	2.913.307.213
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.313.000.000	2.313.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.366.077.009	14.613.340.804
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		155.253.779.404	195.540.654.182
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT		Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		27.117,42	120.295,52

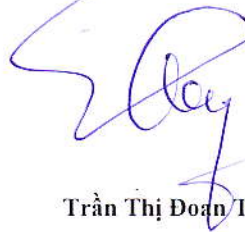
Lập, ngày 28 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu



Nguyễn Đăng Tiến

Kế toán trưởng



Trần Thị Đoàn Trang

Tổng Giám đốc



Phạm Nhật Thăng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	397.986.669.979	413.497.218.570
02	2. Các khoản giảm trừ	20	643.167.820	149.433.503
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	397.343.502.159	413.347.785.067
11	4. Giá vốn hàng bán	22	347.776.849.108	368.814.125.073
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.566.653.051	44.533.659.994
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.552.373.724	2.351.145.746
22	7. Chi phí tài chính	24	6.566.930.917	12.525.428.241
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.490.520.851	8.580.895.484
24	8. Chi phí bán hàng		9.113.119.847	8.274.351.788
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		19.735.577.977	15.478.417.154
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.703.398.034	10.606.608.557
31	11. Thu nhập khác	25	436.679.891	1.555.676.215
32	12. Chi phí khác	26	36.450.945	695.510.789
40	13. Lợi nhuận khác		400.228.946	860.165.426
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.103.626.980	11.466.773.983
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.950.890.775	1.976.629.932
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.152.736.205	9.490.144.051

Lập, ngày 28 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Nguyễn Đăng Tiến

Kế toán trưởng

Trần Thị Đoàn Trang

Tổng Giám đốc




Phạm Nhật Thăng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.103.626.980	11.466.773.983
	2. Điều chỉnh các khoản		12.778.035.577	17.409.094.965
02	- Khấu hao TSCĐ		7.430.863.275	6.774.532.541
03	- Các khoản dự phòng		1.232.758.779	3.322.750.830
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(28.834.204)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.347.273.124)	(1.269.083.890)
06	- Chi phí lãi vay		6.490.520.851	8.580.895.484
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29.881.662.557	28.875.868.948
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.502.609.075	(23.181.900.175)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		24.847.296.914	(12.589.427.087)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.939.046.468)	18.422.430.063
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(79.359.995)	433.709.451
13	- Tiền lãi vay đã trả		(6.777.819.497)	(8.580.895.484)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.679.774.438)	(1.823.453.157)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.539.089.715	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.973.251.530)	(891.391.776)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.321.406.333	664.940.783
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(3.422.254.952)	(7.477.753.350)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		100.500.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.246.773.124	1.347.952.890
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.074.981.828)	(6.129.800.460)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		217.856.104.943	261.596.971.308
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(250.783.104.527)	(226.674.593.663)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.514.294.900)	(8.039.802.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(45.441.294.484)	26.882.575.345
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.194.869.979)	21.417.715.668
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32.222.719.849	10.805.692.011
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		(1.056.440)	(687.830)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		26.026.793.430	32.222.719.849

Người lập biểu



Nguyễn Đăng Tiến

Kê toán trưởng



Trần Thị Đoàn Trang

Lập ngày 28 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phạm Nhật Thăng